

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO TỔNG KẾT NIÊN VỤ CÀ PHÊ 2021-2022

Phần 1 - Tình hình sản xuất và kinh doanh cà phê niên vụ 2021-2022

I. Bối cảnh chung:

Tình hình thế giới vào thời điểm cuối năm 2022 tiếp tục biến động nhanh, phức tạp khó lường với các yếu tố rủi ro ngày càng gia tăng tác động lớn lên quy mô toàn cầu:

- Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ngày càng gay gắt, sâu sắc.
- Xung đột Nga-Ukraine kéo dài đã hơn 9 tháng và chưa có dấu hiệu giảm nhiệt.
- Lạm phát toàn cầu tăng cao, nhiều quốc gia tăng lãi suất kéo dài và thắt chặt chính sách tiền tệ; Đồng USD tăng giá và nhiều đồng tiền tiếp tục mất giá.
- Tình hình sản xuất kinh doanh suy giảm, thất nghiệp gia tăng, nhiều thị trường lớn có xu hướng thu hẹp.
- Rủi ro tài chính, tiền tệ, bất động sản, nguy cơ mất an ninh năng lượng lương thực gia tăng.
- Biến đổi khí hậu, thiên tai, thời tiết cực đoan ngày càng phức tạp khó lường.

Tình hình trên ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nước ta, đặc biệt các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam có xu hướng bị thu hẹp. Niên vụ cà phê 2022-2023 đang triển khai thu hoạch trên các vùng cà phê của cả nước. Hứa hẹn một mùa vụ cà phê

với đầy khó khăn thách thức cho người nông dân và các doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh xuất nhập khẩu cà phê.

II. Tình hình cà phê thế giới:

1. Sản lượng và tiêu thụ cà phê thế giới niên vụ 2021-2022 và dự kiến sản lượng niên vụ 2022-2023:

Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) vẫn giữ nguyên ước tính sản lượng vụ cà phê 2021-2022 thế giới đạt 167,17 triệu bao, giảm 2,1% so với mức 170,83 triệu bao của vụ 2020-2021.

Về lượng tiêu thụ cà phê của thế giới vụ cà phê 2021-2022 vẫn dự kiến đạt 170,3 triệu bao, tăng 3,3% so với mức 164,9 triệu bao của vụ 2020-2021. Như vậy thế giới có thể sẽ bị thiếu hụt tới 3,13 triệu bao. (Bảng 1).

Safras & Mercados Brazil hạ dự báo sản lượng cà phê Brazil vụ 2022-2023 chỉ còn 58,2 triệu bao. Lý do được nêu ra là thời tiết không thuận lợi tại những vùng trồng cà phê Arabica chính khiến sản lượng Arabica chỉ ước đạt 35,2 triệu bao trong khi Conilon vẫn có thể sẽ đạt kỷ lục 23 triệu bao.

2. Tình hình xuất khẩu cà phê vụ 2021-2022 của thế giới:

Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu niên vụ 2021-2022 đạt tổng cộng 116,07 triệu bao, giảm 1,1% so với mức 117,32 triệu bao của vụ 2020-2021. Đây là mức xuất khẩu theo vụ lớn thứ ba về khối lượng. Mức xuất khẩu lớn nhất là trong niên vụ cà phê 2018-2019 với lượng xuất khẩu 121,32 triệu bao cà phê nhân. Về cơ bản, xuất khẩu cà phê nhân giảm là do sản lượng cà phê thế giới giảm, ước tính giảm 2,1% xuống 167,17 triệu bao vào niên vụ 2021-2022, so với ước tính 170,83 triệu bao của niên vụ 2020-2021.

2.1. Xuất khẩu 4 loại cà phê nhân:

Nếu tính theo 4 loại cà phê nhân (Brazil Natural, Colombia Mild, Other Mild và Robusta) thì loại cà phê Brazil Natural và Colombia Mild giảm trong khi Other Mild và Robusta tăng. Xuất khẩu của Brazil Natural đã giảm 4,3% xuống 37,83 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022 so với mức 39,54 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021.

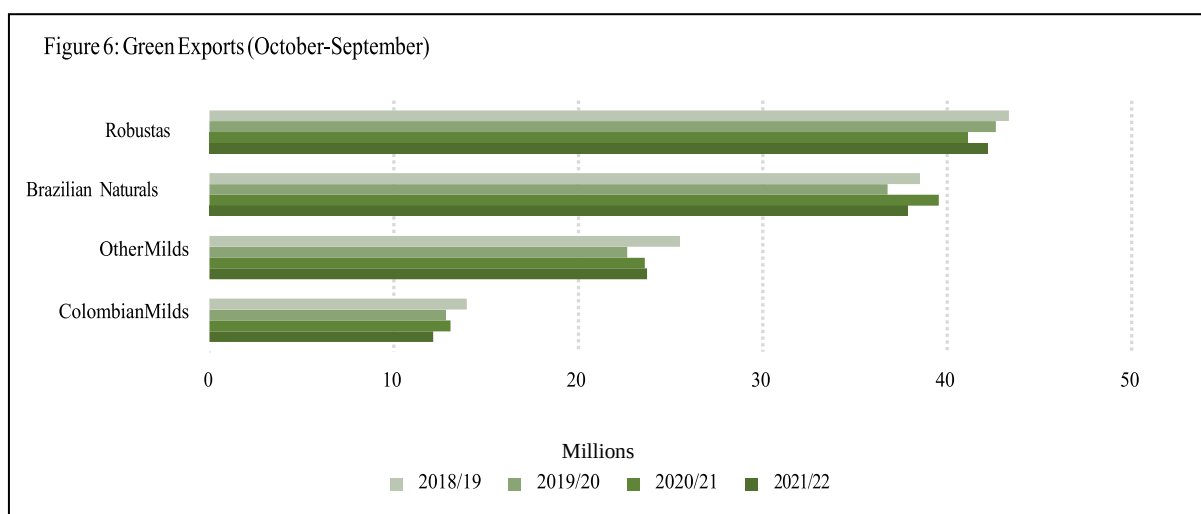
Nguyên nhân do Brazil, nước sản xuất và xuất khẩu cà phê Brazil Natural lớn nhất, với tổng xuất khẩu cà phê nhân của nước này giảm 12,5% trong niên vụ cà phê 2021-2022. Theo ước tính, vụ mùa thu hoạch ít hơn trong thời kỳ “trái vụ” của cà phê Arabica và các vấn đề về công-ten-nơ và vận chuyển được báo cáo vào đầu vụ cà phê lần lượt là những lý do chính cho tình hình xuất khẩu giảm của Brazil.

Xuất khẩu của loại cà phê Colombia Mild vụ 2021-2022 đạt 12,14 triệu bao, giảm 7,1% so với mức 13,07 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021. Đây là khối lượng xuất khẩu thấp nhất kể từ năm 2015, khi tổng lượng cà phê nhân xuất khẩu đạt 12,78 triệu bao. Nguyên nhân chính góp phần vào sự sụt giảm chung của nhóm này có thể là do Colombia, nước sản xuất và xuất khẩu lớn nhất loại Colombia Mild, khi xuất khẩu của nước này giảm xuống 10,84 triệu bao, mức thấp nhất kể từ năm 2014. Xuất khẩu của Colombia giảm có liên quan đến điều kiện thời tiết bất lợi làm giảm nguồn cung cà phê sẵn có trong nước, với tổng sản lượng ước tính giảm 13% trong niên vụ cà phê 2021-2022 xuống 11,68 triệu bao.

Khối lượng xuất khẩu loại cà phê Other Mild tăng 1,3% trong niên vụ cà phê 2021-2022, lên 23,9 triệu bao so với mức 23,59 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021. Nguyên nhân của việc tăng ít như vậy chủ yếu là do một mặt Honduras và Guatemala, 2 nước xuất khẩu lớn thứ nhất và thứ ba của loại Other Mild vật lộn với khó khăn, còn Peru và Nicaragua, 2 nước xuất khẩu lớn thứ hai và thứ tư của loại Other Mild lại có màn ghi kỷ lục. Tại Honduras, ngành cà phê nước này đang phải vật lộn với bệnh gỉ sắt trên lá ảnh hưởng đến vụ thu hoạch của ngành, trong khi Guatemala đang phải đối phó với tác động của sản lượng thấp hơn, chủ yếu do khí hậu và tình trạng thiếu lao động, khiến xuất khẩu giảm 7,6% và 20,0 % tương ứng chỉ còn 3,41 triệu bao và 4,7 triệu bao. Đối với Nicaragua, niên vụ cà phê 2021-2022 là một năm kỷ lục khi nước này xuất khẩu 2,87 triệu bao cà phê nhân, mức cao nhất được ghi nhận, trong khi tổng xuất khẩu cà phê nhân của Peru là 4,58 triệu bao, cao thứ hai trong lịch sử, chỉ đứng sau mức 4,69 triệu bao xuất khẩu trong niên vụ cà phê 2011-2012.

Tổng xuất khẩu cà phê Robusta đạt 42,2 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022, tăng 2,6% so với mức 41,12 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021. Việt Nam và Ấn Độ là hai điểm nhấn tích cực chính trong niên vụ cà phê 2021-2022 của Robusta, với xuất khẩu cà phê nhân tương ứng tăng 15,1% và 26,1% lên mức 26,78 triệu bao và 5,01 triệu bao. Burundi và Uganda là hai điểm nhấn tiêu cực chính, với xuất khẩu cà phê nhân tương ứng của họ giảm 62,1% và 10,0% xuống mức 134.000 bao và 5,85 triệu bao.

Biểu đồ 1 – Khối lượng cà phê nhân xuất khẩu qua các niên vụ



2.2. Xuất khẩu cà phê phân theo khu vực:

Tính từ tháng 10/2021 đến hết tháng 9/2022, khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê của khu vực Nam Mỹ giảm 7,1% xuống 55,31 triệu bao. Brazil là nguyên nhân khiến xuất khẩu giảm, với khối lượng xuất khẩu từ nước này giảm 11,4% xuống 38,12 triệu bao. Đây là lần đầu tiên kể từ năm 2017, xuất khẩu tất cả các loại cà phê của Brazil đã giảm xuống dưới mốc 40 triệu bao. Như đã giải thích trong báo cáo này, sản lượng thu hoạch ít hơn trong thời kỳ “trái vụ” của cà phê Arabica và các vấn đề với container và vận chuyển là nguyên nhân cho sự sụt giảm lớn trong xuất khẩu ở Brazil.

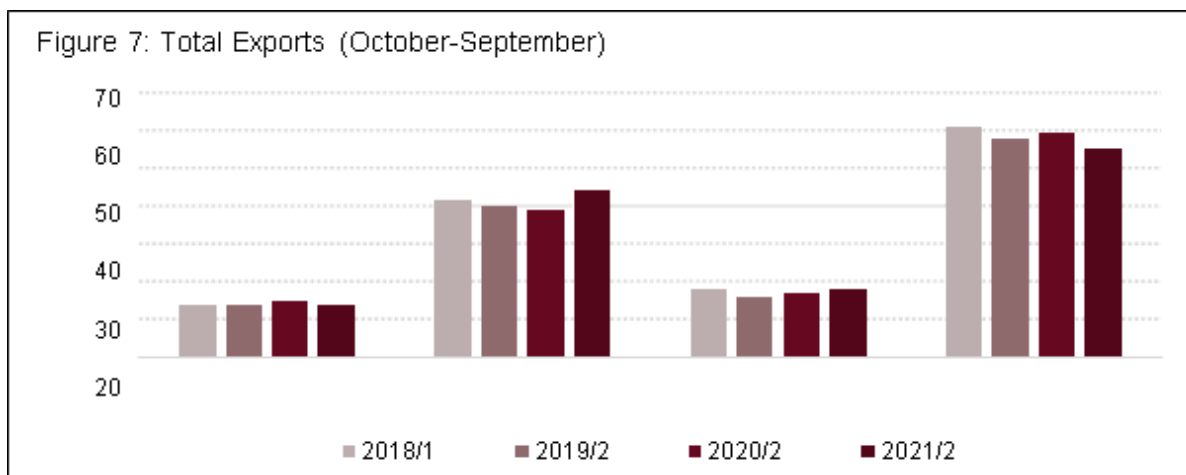
Xuất khẩu cà phê các loại từ khu vực châu Á và châu Đại Dương tăng 12,8% lên 43,86 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022. Xuất khẩu của Việt Nam tăng 14,8%

lên 28,19 triệu bao so với mức 24,56 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021, trở thành nước sản xuất và xuất khẩu lớn nhất khu vực cũng là khu vực đóng góp tuyệt đối lớn nhất vào mức tăng trưởng xuất khẩu mạnh mẽ của khu vực châu Á và châu Đại Dương trong niên vụ cà phê 2021-2022. Xuất khẩu tất cả các loại cà phê của Ấn Độ đã tăng 21,7% trong niên vụ cà phê 2021-2022, lên 7,24 triệu bao so với 5,95 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021. Indonesia, nước sản xuất và xuất khẩu lớn thứ ba trong khu vực, đã cho thấy khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê tăng nhẹ lên 6,92 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022 so với mức 6,82 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021.

Khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê từ châu Phi giảm 5,1% xuống 13,73 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022 so với mức 14,48 triệu bao của niên vụ 2020-2021. Như đã giải thích trong báo cáo này, Burundi và Uganda là hai nguyên nhân chính gây ra tình trạng suy giảm của khu vực này. Việc giảm xuất khẩu của Uganda được giải thích là do tác động của hạn hán ở hầu hết các vùng trồng cà phê, dẫn đến mùa thu hoạch chính ngắn hơn ở miền trung và miền đông của Uganda, do đó sản lượng và xuất khẩu giảm. Ethiopia, nước sản xuất và xuất khẩu lớn thứ hai trong khu vực này đã cho thấy khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê tăng nhẹ lên 4,02 triệu bao trong niên vụ cà phê 2021-2022 so với mức 3,98 triệu bao trong niên vụ 2020-2021.

Từ tháng 10/2021 đến hết tháng 9/2022, khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê từ khu vực Mexico và Trung Mỹ đã giảm 3,3% xuống 16,09 triệu bao so với mức 16,63 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020-2021. Honduras là nguyên nhân chính cho sự suy giảm của khu vực này với khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê của quốc gia này giảm 20,0%, mất 1,17 triệu bao so với khối lượng xuất khẩu trong niên vụ cà phê 2020-2021. Costa Rica và Guatemala là hai quốc gia tiếp theo với mức giảm lần lượt là 50.576 bao và 280.445 bao.

Biểu đồ 2 – Khối lượng xuất khẩu tất cả các loại cà phê qua các niên vụ



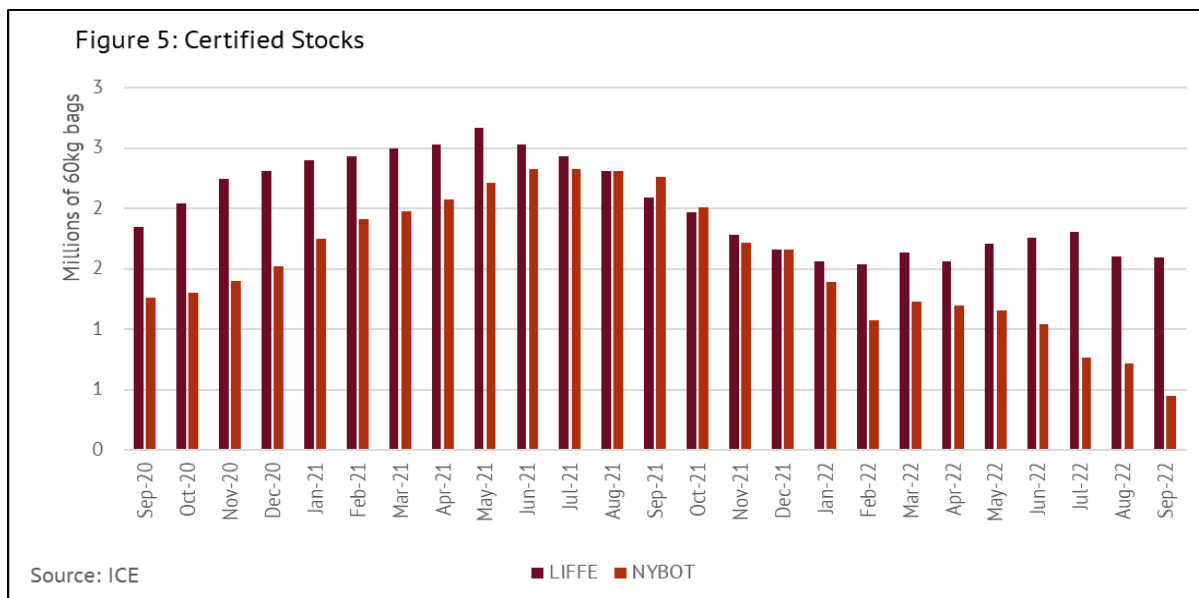
2.3. Xuất khẩu cà phê chế biến:

Tổng xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 6,1% niên vụ 2021-2022 lên 12,1 triệu bao so với 11,4 triệu bao của niên vụ 2020-2021. Tỷ lệ cà phê hòa tan trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các loại cà phê là 9,4% trong niên vụ 2021-2022, mức cao nhất được ghi nhận. Brazil là nước xuất khẩu cà phê hòa tan lớn nhất, với 3,89 triệu bao, tiếp theo là Ấn Độ với 2,22 triệu bao, Indonesia ở vị trí thứ ba với 1,66 triệu bao xuất khẩu trong niên vụ cà phê 2021-2022. Trong khi đó, xuất khẩu hạt cà phê rang tăng 5,0% trong niên vụ cà phê 2021-2022 lên 0,82 triệu bao.

3. Tồn kho cà phê trên sàn New York và London vụ 2021-2022:

Khối lượng tồn kho đạt chứng nhận của sàn New York tháng 9 giảm 37,2% so với tháng 8, chỉ còn 0,45 triệu bao trong khi tồn kho cà phê Robusta đạt chứng nhận của sàn London ở mức 1,59 triệu bao, giảm 0,8%. (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3 - Tồn kho cà phê trên sàn từ 9/2020 đến 9/2022



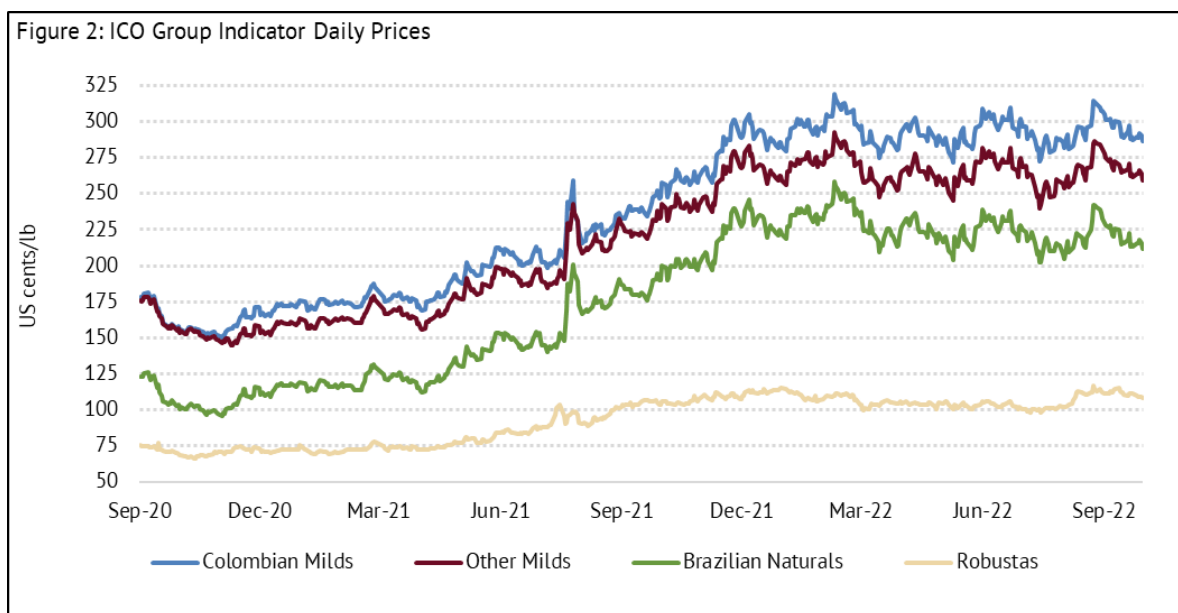
Trong khi đó, sang tháng 10/2022, khối lượng tồn kho cà phê đạt chứng nhận của New York giảm 9,3% so với tháng 9, với 0,41 triệu bao, trong khi tồn kho cà phê Robusta đạt chứng nhận là 1,52 triệu bao, giảm 4,3%.

4. Tình hình giá cà phê niên vụ 2021-2022:

Chỉ số giá tổng hợp ICO (I-CIP) tháng 9 năm 2022 đã mất 0,2% so với tháng 8 với mức trung bình tháng 9 là 119,63 US cent / lb. I-CIP tháng 9 năm 2022 dao động trong khoảng 193,28 đến 206,37 US cent / lb.

Giá trung bình cho tất cả các nhóm chỉ số đều giảm trong tháng 9 năm 2022, trừ nhóm cà phê Robusta. Giá cà phê Robusta trung bình tháng 9 là 111,36 cent/lb. Loại cà phê Colombia Mild và Other Mild tháng 9 lần lượt giảm 0,5% và 0,3%. Cà phê Colombia Mild đạt trung bình tháng 9 là 294,09 US cent / lb trong khi cà phê Other Mild là 267,49 cent / lb. (Biểu đồ 4)

Biểu đồ 4 - Giá trung bình cho tất cả các nhóm chỉ số



Xu hướng giảm này là do mức trung bình của vị trí thứ 2 và thứ 3 của sản kỳ hạn New York đã mất 0,1% trong tháng 9 so với tháng 8. Mức trung bình của vị trí thứ 2 và thứ 3 của sản kỳ hạn London tăng 1,8%.

Chênh lệch giữa cà phê Brazil Naturals và cà phê Robusta bị ảnh hưởng nặng nề nhất từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2022, giảm 3,6% từ 112,26 xuống 108,23 US cent / lb do Robusta tăng vượt trội so với Brazil Naturals. Giá chênh lệch giữa loại cà phê Colombia Mild và cà phê Other Mild duy trì mức giảm 2,3% trong giai đoạn nói trên, trong khi chênh lệch giữa cà phê Colombia Mild và Robustas giảm 1,8%. Giá chênh lệch giữa cà phê Colombia Mild và Brazil Naturals tháng 9 năm 2022 tăng 1% lên 74,50 US cent / lb. Mức tăng mạnh nhất trong số tất cả các mức chênh lệch có thể thấy là mức chênh lệch giữa cà phê Other Milds và cà phê Brazil Naturals, tăng 3,0%, dao động từ 46,52 đến 47,90 US cent / lb cho mức trung bình hàng tháng tương ứng. Cuối cùng, chênh lệch giữa cà phê Other Mild và cà phê Robusta mất 1,7% từ tháng 8 đến tháng 9 năm 2022. Mức chênh lệch trung bình hàng tháng ở mức 156,13 US cent / lb, giảm từ 158,78 US cent / lb vào tháng 8 năm 2022.

Chênh lệch giá giữa sàn New York và London tháng 9/2022 thu hẹp khoảng cách thêm 1,7%, từ 119,79 cent/lb hồi tháng 8 xuống còn 117,74 cent / lb

III. Tình hình sản xuất kinh doanh cà phê niên vụ 2021-2022 và 2 tháng đầu niên vụ 2022-2023 của Việt Nam:

1. Tình hình sản xuất cà phê của Việt Nam niên vụ 2021-2022:

Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Trồng trọt): Đến năm 2021 cả nước có 20 tỉnh trồng cà phê với tổng diện tích 710.590 ha, tăng 67.370 ha so với năm 2015, trong đó có 647.600 ha cho thu hoạch. Tây Nguyên đã trở thành vùng sản xuất cà phê chính của cả nước. Tỉnh trồng nhiều nhất là Đắk Lắk: 213.000 ha, Lâm Đồng: trên 175.000 ha, Đắk Nông: 135.000 ha, Gia Lai: 98.000 ha, Kon Tum: 29.000 ha. Năng suất cà phê 2021: đạt 2,82 tấn/ha, tăng 0,5 tấn so với năm 2020. Sản lượng cà phê nhân 2021 ước đạt: 1,8 triệu tấn (đặc biệt các diện tích cà phê tái canh thời kỳ trồng giống mới nay đã bước vào giai đoạn cho thu hoạch cho năng suất vượt trội, kích cỡ hạt sàng 16, 18 tăng cao).

Tuy vậy để đánh giá và dự báo tổng sản lượng cà phê niên vụ 2022-2023 cần lưu ý:

- Thời tiết khí hậu từ đầu vụ đến nay tương đối thuận lợi. Mùa mưa đến sớm, không hạn như các năm trước trong thời kỳ tưới, đảm bảo lượng nước cho cây cà phê. Nhưng trong thời kỳ thu hoạch hiện tại các tỉnh như Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk mưa nhiều với lượng lớn sẽ ảnh hưởng đến chất lượng cà phê của niên vụ. Trong khi điều kiện chế biến của người nông dân (phơi, sấy) còn rất hạn chế !

- Trong tổng số 674.418 ha cà phê của 7 tỉnh (5 tỉnh Tây Nguyên và tỉnh Đồng Nai, Sơn La) thì có đến 177.979 ha (khoảng 26,4%) cà phê trồng xen (hồ tiêu, bơ, sầu riêng, macca, điều, hồng, chanh dây ...). Phổ biến trồng xen hồ tiêu và sầu riêng khoảng 72,3%. Nhiều diện tích trồng xen cho năng suất và sản lượng cà phê thấp do người dân tập trung chăm sóc cây trồng xen là chính mà ít quan tâm đến chăm sóc cây cà phê (như

vùng Thăng Lợi, Phước An ... ở Đắk Lắk) sẽ ảnh hưởng đến sản lượng cà phê chung của cả nước khi dự báo.

- Do giá cả vật tư đầu vào (xăng dầu, phân bón, nhân công ...) tăng cao nên sự đầu tư của người nông dân vào cây cà phê giảm.

- Một số vùng ở Lâm Đồng tái canh ghép giống mới chưa cho thu hoạch.

Trên cơ sở những nhận định trên, dự báo sản lượng cà phê niên vụ 2022-2023 giảm 10% so với sản lượng của niên vụ 2021-2022.

* Về phát triển diện tích cà phê bền vững đã có sự đầu tư của doanh nghiệp tạo sự liên kết giữa doanh nghiệp và người nông dân để tạo ra vùng nguyên liệu cà phê phát triển bền vững nhưng chủ yếu vẫn ở tại các doanh nghiệp có sự liên kết của các tổ chức quốc tế có dự án như IDH, GCP, VnSAT, ... Nổi bật trong số đó là các doanh nghiệp như Intimex, Simexco Đắk Lắk, Vĩnh Hiệp, Phúc Sinh, ...

2. Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam niên vụ 2021-2022:

Việt Nam đã kết thúc niên vụ cà phê 2021-2022 với tổng khối lượng xuất khẩu hơn 1,68 triệu tấn cà phê các loại được xuất khẩu với kim ngạch trên 3,9 tỷ USD. Đây là niên vụ đạt giá trị kim ngạch cao nhất trong các niên vụ vừa qua.

Xét theo từng loại cà phê xuất khẩu, có thể thấy chủ yếu vẫn là cà phê Robusta với 1,5 triệu tấn, kim ngạch 2,97 tỷ USD, còn cà phê nhân Arabica chỉ xuất khẩu 60 ngàn tấn, kim ngạch 260 triệu USD, cà phê nhân đã khử cafein 26.000 tấn, kim ngạch 76,9 triệu USD. Cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu trên 92 ngàn tấn (chưa quy đổi ra cà phê nhân), kim ngạch 598,2 triệu USD (khối lượng chiếm 5,5% và kim ngạch chiếm 15,3% tổng các loại cà phê xuất khẩu trong niên vụ cà phê 2021-2022) (Bảng 2).

Tính riêng về xuất khẩu cà phê nhân sống thì 10 doanh nghiệp dẫn đầu về khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống trong niên vụ cà phê 2021-2022 là: Intimex HCM, Vĩnh Hiệp, Simexco Daklak, Intimex Mỹ Phước, Louis Dreyfus Việt Nam, Giao dịch Hàng hóa Tây Nguyên, Neumann Gruppe Việt Nam, Olam Việt Nam, Phúc Sinh, và Sucden Coffee Việt Nam (Bảng 3).

Trong niên vụ cà phê 2021-2022, các doanh nghiệp FDI xuất khẩu cà phê nhân sống chiếm thị phần 33,2% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân và chiếm 31,7% về giá trị kim ngạch. Trong khi đó, các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội chiếm thị phần khoảng 22,1% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân và chiếm 22,9% về giá trị kim ngạch.

Xét về xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong niên vụ cà phê 2021-2022 thì 10 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu tính theo khối lượng có thể kể đến là: Outspan Việt Nam, Tập đoàn Trung Nguyên (chi nhánh Sài Gòn), Cà phê Ngon, URC Việt Nam, Lựa chọn đỉnh, Nestlé Việt Nam, Tata Coffee Việt Nam, Vinacafe Biên Hòa, Instanta Việt Nam và Cá nhân - Tổ chức không có mã số thuế (Bảng 4).

Các doanh nghiệp FDI chiếm thị phần 59,9% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong niên vụ cà phê 2021-2022 và chiếm khoảng 66% về kim ngạch, còn các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội chiếm thị phần 95,0% về khối lượng và 95,7% về giá trị kim ngạch trong tổng xuất khẩu các loại cà phê trong niên vụ cà phê 2021-2022.

Về thị trường xuất khẩu của cà phê Việt Nam trong niên vụ cà phê 2021-2022: Ngoài số lượng đang ở kho ngoại quan thì niên vụ cà phê 2021-2022 vừa qua Đức dẫn đầu với 216 ngàn tấn, Italy đứng thứ 2 với gần 139 ngàn tấn, Hoa Kỳ thứ 3 với trên 126 ngàn tấn, Bỉ thứ 4 với 120 ngàn tấn, Nhật Bản thứ 5 với 111,3 ngàn tấn, Nga thứ 6 với gần 97 ngàn tấn, Tây Ban Nha thứ 7 với 87 ngàn tấn, Philippines thứ 8 với 51,2 ngàn tấn, Algeria thứ 9 với 46 ngàn tấn và Anh đứng thứ 10 với 43,4 ngàn tấn (Bảng 5).

3. Tình hình xuất khẩu cà phê của Việt Nam 2 tháng đầu vụ 2022-2023:

Theo số liệu của Tổng Cục Hải quan Việt Nam, trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2022-2023, Việt Nam xuất khẩu khoảng 202 ngàn tấn cà phê, tăng 144,2% so với cùng kỳ năm trước; kim ngạch xuất khẩu khoảng 473 triệu USD, tăng 156,5% so với cùng kỳ năm trước.

Xét theo từng loại cà phê xuất khẩu, trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2022-2023, có thể thấy chủ yếu vẫn là cà phê Robusta với gần 181 ngàn tấn, kim ngạch 367 triệu USD, còn cà phê nhân Arabica chỉ xuất khẩu 5.000 tấn, kim ngạch 20,3 triệu USD, cà

phê nhân đã khử cafein 6.300 tấn, kim ngạch 25,6 triệu USD. Cà phê rang xay và hòa tan xuất khẩu gần 9.000 tấn (chưa quy đổi ra cà phê nhân), kim ngạch 57 triệu USD (khối lượng chiếm 4,3% và kim ngạch chiếm 12,1% tổng các loại cà phê xuất khẩu trong 2 tháng đầu niên vụ 2022-2023) (Bảng 6).

Tính riêng về xuất khẩu cà phê nhân sống trong 2 tháng đầu niên vụ 2022-2023 thì 10 doanh nghiệp dẫn đầu theo kim ngạch là: Vĩnh Hiệp, Simexco Daklak, Intimex HCM, Intimex Mỹ Phước, Phúc Sinh, Louis Dreyfus Company Việt Nam, Nestlé Việt Nam, Neumann Gruppe Việt Nam, Olam Việt Nam, và Hoa Trang – Gia Lai (Bảng 7).

Trong 2 tháng đầu niên vụ 2022-2023, các doanh nghiệp FDI xuất khẩu cà phê nhân sống chiếm thị phần 34,6% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân và chiếm 36,8% về giá trị kim ngạch. Trong khi đó, các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội chiếm thị phần khoảng 21,4% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê nhân và chiếm khoảng 23,6% về kim ngạch.

Xét về xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2022-2023 thì 10 doanh nghiệp xuất khẩu hàng đầu về kim ngạch có thể kể đến là: Outspan Việt Nam, Tập đoàn Trung Nguyên (chi nhánh Sài Gòn), Cà phê Ngon, Nestlé Việt Nam, URC Việt Nam, Tata Coffee Việt Nam, Lựa chọn đỉnh, Instanta Việt Nam, Vinacafe Biên Hòa và Intimex HCM. (Bảng 8).

Các doanh nghiệp FDI chiếm thị phần khoảng 60,7% tổng khối lượng xuất khẩu cà phê rang xay hòa tan trong 2 tháng đầu niên vụ cà phê 2022-2023 và chiếm khoảng 65,2% về kim ngạch, còn các doanh nghiệp ngoài Hiệp hội chiếm thị phần khoảng 91,5% về khối lượng và khoảng 93,9% về kim ngạch.

Về thị trường xuất khẩu của cà phê Việt Nam trong 2 tháng đầu niên vụ 2022-2023: Ngoài số lượng đang ở kho ngoại quan thì Đức vươn lên vị trí đứng đầu với khối lượng gần 23.000 tấn, Hoa kỳ thứ 2 với gần 21.000 tấn, Italy thứ 3 với gần 19.000 tấn, Nga thứ 4 với gần 16.000 tấn, Nhật Bản và Tây Ban Nha đứng thứ 5 và 6 với trên 13.000 tấn, Trung Quốc thứ 7 với 8.600 tấn, Bỉ vẫn thứ 8 với 7.600 tấn, Phillipines thứ 9 với 7.300 tấn và Hàn Quốc thứ 10 với 7.136 tấn (Bảng 9).

4. Tình hình ca cao Việt Nam

Hiện nay ở nước ta có ba vùng trồng ca cao chính, là đồng bằng sông Cửu Long, Tây Nguyên và vùng Đông Nam Bộ. Trong đó, ca cao chủ yếu được trồng xen (với dừa, điều, cây ăn trái...), rất ít diện tích được trồng chuyên canh.

Theo thống kê của Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và PTNT, diện tích ca cao của Việt Nam cao nhất vào năm 2012 với 25.700 ha, sau đó liên tục giảm, đến năm 2020 chỉ còn 4.589 ha, năng suất 11 tạ hạt khô / ha khiến sản lượng chỉ còn 4.692 tấn hạt và đến năm 2021, 2022 diện tích và sản lượng cũng vẫn tiếp tục giảm thêm. Nguyên nhân có thể kể đến là: Trong giai đoạn này hầu như không còn các dự án của các tổ chức phi chính phủ và các dự án xóa đói giảm nghèo, sự biến động của giá cả, luôn ở xu hướng giảm, hiệu quả kinh tế không cao so với các loại cây trồng khác nên không hấp dẫn người nông dân.

Tuy hàng năm Việt Nam cho sản lượng hạt ca cao rất khiêm tốn nhưng trên thương trường quốc tế, hạt ca cao từ Việt Nam đã được công nhận là có chất lượng lên men tốt nhờ sự quan tâm sớm đến kế hoạch và phát triển từ các khu vực công, tư nhân cũng như do điều kiện khí hậu đặc trưng của nước ta. Việt Nam hiện đứng thứ 23 trong danh sách những nước có sản phẩm ca cao đạt hương vị tốt, trở thành quốc gia châu Á thứ hai đạt danh hiệu này sau Indonesia, nhưng lại có đến 40% sản lượng ca cao được công nhận trong khi Indonesia chỉ có tỷ lệ 1%.

Những thuận lợi và khó khăn của ngành ca cao Việt Nam:

a. Thuận lợi

- Nhu cầu của ca cao thế giới ngày càng tăng, nên đầu ra cho hạt ca cao Việt Nam là rất thuận lợi. Hơn nữa, trong nước đã hình thành mạng lưới thu mua rộng khắp tại các vùng trồng ca cao. Thị trường ca cao đang có dấu hiệu sôi động trở lại.

- Năng suất ca cao từng bước được nâng cao, phần lớn hạt ca cao của nông dân được các công ty, doanh nghiệp thu mua lên men tập trung nên chất lượng hạt ngày càng đồng đều, cải thiện hơn trường hợp để người dân tự lên men tại vườn. Bên cạnh đó, sản

xuất và chế biến có chứng nhận ngày càng được quan tâm. Ca cao Việt Nam được Tổ chức Ca cao thế giới đánh giá là ca cao hương vị tốt, mang lại vị thế cũng như thuận lợi cho ngành ca cao Việt Nam.

- Chế biến ca cao trong nước đang được nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước quan tâm, đầu tư, sản xuất tạo ra các sản phẩm ca cao tiêu thụ trong nước và bước đầu khẳng định trên thị trường quốc tế (như sản phẩm của các công ty Marou, StonHill, Savie, Belvie,...).

- Giống mới, tiến bộ kỹ thuật được cập nhật, cơ bản xác định được cơ cấu giống cho ba vùng sản xuất chính; đồng thời đã ban hành Quy trình Kỹ thuật canh tác, Quy trình sơ chế và lên men hạt, Quy trình phòng trừ dịch hại, Tiêu chuẩn Việt Nam cây giống ca cao Việt Nam. Điều này góp phần bảo đảm cho chất lượng ca cao Việt Nam ngày càng tốt hơn.

- Một số tổ chức, doanh nghiệp trong nước và quốc tế đang xây dựng vùng sản xuất ca cao tập trung, quy mô sản xuất lớn hàng năm trên các tỉnh Đắk Lắk, Đồng Nai.

b. Khó khăn

- Hiệu quả kinh tế của cây ca cao chưa thực sự hấp dẫn nông dân để họ yên tâm đầu tư chăm sóc và cây ca cao đang chịu sự cạnh tranh mạnh với các loại cây ăn quả có giá trị cao.

- Trước đây, xây dựng các vùng trồng cây ca cao thâm canh đã được thực hiện ở một số vùng nhưng không đạt được kết quả như kỳ vọng. Hiện nay, phần lớn diện tích ca cao chủ yếu được trồng xen dưới tán dừa, điều, cây ăn quả với quy mô sản xuất nhỏ, phân tán gây khó khăn cho cải thiện sản lượng và năng suất. Hơn nữa, những hạn chế về kỹ thuật trồng và các biện pháp chống sâu bệnh vào mùa mưa cũng chính là nguyên nhân dẫn đến giảm năng suất, hiệu quả sản xuất ca cao.

- Chính sách hỗ trợ từ Nhà nước cho cây ca cao còn nhiều hạn chế. Một số địa phương có chính sách phát triển nhưng nguồn lực còn thiếu, dẫn đến một số chương trình, dự án ca cao được phê duyệt nhưng không đủ kinh phí để triển khai.

- Giá thu mua trong nước còn phụ thuộc nhiều vào biến động của giá cả thị trường quốc tế, liên kết giữa sản xuất với tiêu thụ chưa được chặt chẽ, các doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn trong việc tăng cường liên kết với nông dân.

- Tuy hiện nay đã có một số doanh nghiệp đầu tư vào sản xuất thành phẩm ca cao thay vì chỉ chế biến hạt và bột ca cao như trước đây, nhưng sản lượng thành phẩm vẫn rất ít. Lượng thành phẩm xuất khẩu không đáng kể. Chính vì vậy, giá trị gia tăng trong chế biến còn rất hạn chế.

Qua phân tích tổng quan ngành Ca cao Việt Nam, nhận thấy rằng, để khôi phục lại sự phát triển hưng thịnh của ngành Ca cao Việt Nam sẽ có rất nhiều công việc cần phải thực hiện và đòi hỏi phải có sự chung tay, phối hợp của nông dân, các doanh nghiệp, các cơ quan Nhà nước và cả các nhà nghiên cứu khoa học. Thực trạng này đặt ra các vấn đề giải pháp cần quan tâm thực hiện trong thời gian tới.

Phần 2

Hoạt động của Hiệp hội niên vụ cà phê 2021 - 2022

và phương hướng hoạt động niên vụ 2022 - 2023

I. Những hoạt động Hiệp hội đã triển khai trong quý III:

1. Tình hình thu phí xuất khẩu cà phê đóng niên liễm cho tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO):

Căn cứ công văn số 13/VPCP-KTTH ngày 01/01/2022 của Văn phòng Chính phủ về đề xuất thu tiền để đóng tiền niên liễm của Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt nam, Hiệp hội đã làm việc trực tiếp với Cục Tài chính Doanh nghiệp, Bộ Tài chính, Hiệp hội đã

kiến nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT ra văn bản về đối tượng thu phí theo quy định nộp niên liễm của ICO. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có công văn số 707/BNN-HTQT ngày 27/01/2022 gửi Bộ Tài Chính đề nghị Bộ Tài Chính, Tổng cục Hải quan hỗ trợ thu phí cà phê xuất khẩu của tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê để đóng niên liễm cho Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO). Ngày 30/12/2021 trong khi chờ đợi các Bộ có ý kiến trả lời, Văn phòng Hiệp hội đã có văn bản gửi Tổng Cục Hải quan đề nghị tiếp tục thu hộ phí xuất khẩu cà phê như thời gian trước. Ngày 27/01/2022 Tổng Cục Hải quan cũng đã có công văn số 359/TCHQ-TXNK gửi các Chi cục Hải quan trong khi chờ hướng dẫn mới của Bộ Tài chính, đề nghị tiếp tục thu hộ lệ phí xuất khẩu cà phê như đã thực hiện trước đây để đóng niên liễm cho Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO). Bộ Tài chính ban hành văn bản số 4417/BTC-TCĐN ngày 17/5/2022 hướng dẫn thu phí xuất khẩu cà phê để nộp niên liễm cho Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO). Theo đó, Bộ Tài chính đồng ý cho thu phí xuất khẩu cà phê của tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê theo đề xuất của Bộ Nông nghiệp và PTNT tại công văn số 707/BNN-HTQT ngày 27/01/2022. Văn phòng Hiệp hội đã có công văn số 45/HHCPCC-2022 ngày 23/5/2022 gửi Tổng Cục Hải Quan đề nghị hỗ trợ hướng dẫn các Cục, Chi cục Hải quan triển khai hướng dẫn của Bộ Tài chính về việc thu phí xuất khẩu cà phê (các văn bản được gửi kèm trong tài liệu hợp). Ngày 09/6/2022 Tổng cục Hải quan đã có công văn số 2153/TCHQ-TXNK về việc thu phí xuất khẩu cà phê gửi các cục Hải quan tỉnh, thành phố hướng dẫn thu phí cà phê xuất khẩu.

Để thúc đẩy việc thu phí xuất khẩu cà phê đảm bảo nguồn kinh phí trả nợ niên liễm cho tổ chức Cà phê Quốc tế, Ngày 30/8/2022 Hiệp hội đã làm việc với Chi cục Hải quan Buôn Ma Thuột về tình hình thu phí cà phê xuất khẩu của các doanh nghiệp. Theo đó Chi cục Hải quan Buôn Ma Thuột thực hiện thu đầy đủ theo quy định. Tiếp đó, ngày 17/11/2022, đại diện ban thường trực và văn phòng Hiệp hội đã làm việc với Cục hải quan thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi tổng hợp số liệu xuất khẩu và thu phí xuất khẩu cà phê nhân sống qua các chi cục thuộc cục hải quan thành phố Hồ Chí Minh, số phí thu được chỉ đạt khoảng 27% số phải thu trong khi đó khối lượng xuất khẩu cà phê qua các chi cục này chiếm tới trên 65% tổng lượng xuất khẩu của cả nước.

2. Đối ngoại và Quan hệ quốc tế:

a. Đối với Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO):

Trước kiến nghị của Việt Nam và một số nước khác, ICO đã tiến hành sửa đổi Hiệp định Cà phê Quốc tế 2007 đã hết hiệu lực bắt đầu từ tháng 2 năm 2021. Hiệp hội đã phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT đàm phán Hiệp định cà phê mới 2022 trong đó Việt Nam kiến nghị thay đổi cách tính phí niên liễm của các thành viên ICO. Đến tháng 6/2022 nội dung Hiệp định Cà phê quốc tế 2022 đã được Tổ chức Cà phê Quốc tế phê duyệt. Theo đó các nội dung mới của Hiệp định gồm: Cách tính phí niên liễm của các thành viên ICO dựa trên 50% giá trị xuất khẩu và 50% khối lượng xuất khẩu, thay vì cách tính dựa trên 100% khối lượng xuất khẩu trước đó. Ngoài ra, ICO đã kết nạp khối tư nhân gồm các tập đoàn cà phê quốc tế, các tổ chức phát triển bền vững làm thành viên liên kết với mục tiêu tận dụng nguồn lực của khối tư nhân hỗ trợ phát triển bền vững ngành cà phê. Hiệp định mới đã được trình ra Hội đồng Cà phê Quốc tế tại kỳ họp 134 của hội đồng diễn ra từ ngày 03 – 07/10/2022 tại Bogota, Colombia để các nước ký phê duyệt. Về quyền thành viên của Việt Nam, hiện nay Bộ Nông nghiệp và PTNT đã lấy ý kiến góp ý của các Bộ liên quan: Bộ Ngoại giao, Bộ Tư Pháp, Bộ Công Thương, Bộ Tài Chính. Trong thời gian tới Bộ Nông nghiệp và PTNT sẽ tiếp thu ý kiến của các Bộ hoàn thiện tờ trình Chính Phủ phê duyệt ký hiệp định mới.

Các hoạt động hỗ trợ của ICO đối với Việt Nam. Ban Chấp hành Hiệp hội đã giao ông Bạch Thanh Tuấn là đầu mối của Hiệp hội tham gia các hoạt động của ICO. Ông Bạch Thanh Tuấn đã tham gia đàm phán với nhóm công tác đặc biệt của ICO đưa Việt Nam vào danh sách các thành viên nhận được hỗ trợ từ các dự án của ICO trong đó có dự án nghiên cứu thu nhập thịnh vượng cho người trồng cà phê tại Việt Nam và nghiên cứu cà phê cảnh quan triển khai tại Việt Nam. Ông Bạch Thanh Tuấn, Phó Chủ tịch đại diện VICOFA tham dự cuộc họp với nhóm công tác (TaskForce) của ICO về việc triển khai các hoạt động nghiên cứu về Cà phê cảnh quan và thu nhập người trồng cà phê tại Việt Nam. Để phối hợp triển khai hiệu quả các hoạt động nghiên cứu trên và các hoạt động hỗ trợ ngành cà phê trong thời gian tới, ông Bạch Thanh Tuấn đã đề xuất GCP Việt

Nam, công ty TNHH Nestle Việt Nam và IDH Việt Nam ký Biên bản ghi nhớ với VICOFA.

Ông Thái Như Hiệp – Phó Chủ tịch Hiệp hội đại diện tham dự hội nghị hội đồng cà phê quốc tế lần thứ 134 tại Colombia từ ngày 03 – 07/10/2022.

b. Đối với Liên Đoàn Cà phê Đông Nam Á (ACF):

Ban Chấp hành Hiệp hội giao ông Bạch Thanh Tuấn, Phó Chủ tịch Hiệp hội đại diện tham gia ACF. Hiệp hội tiếp tục là thành viên tích cực và đảm nhiệm vai trò Ủy viên Ban Chấp hành Liên đoàn Cà phê Đông Nam Á. ACF thống nhất thành lập Viện đào tạo cà phê và đại diện các thành viên trong Ban điều hành sẽ nắm giữ cổ phần của Viện này. Ban điều hành Viện gồm: (1) Hiệp hội Cà phê Thái Lan, (2) Hiệp hội Cà phê Đặc sản Indonesia, (3) Hiệp hội các nhà xuất khẩu cà phê Indonesia, (4) Hiệp hội Cà phê Đặc sản Malaysia, (5) Ban Cà phê Philippines, (6) Hiệp hội cà phê Singapore, (7) Hiệp hội Pha chế Thái Lan, (8) Hiệp hội Cà phê Lào, (9) Hiệp hội Cà phê Cao su Việt Nam và (10) Hiệp hội Cà phê Malaysia. Các thành viên sẽ không phải đóng góp tài chính cho Viện. Tỷ lệ cổ phần được phân bổ như sau: 10 thành viên Ban Điều hành trên sẽ nắm giữ đều tổng số cổ phần 40%; ACF giữ 30% cổ phần; Đội ngũ cán bộ trực tiếp của ACF sẽ giữ 30% cổ phần. 10 thành viên Ban Điều hành sẽ cử đại diện tham gia Ban điều hành và cử ít nhất một chuyên gia đào tạo về cà phê để tham gia đội ngũ giảng viên của Viện. Hàng năm Liên đoàn Cà phê Đông Nam Á tổ chức các cuộc thi Barista cho các đội thi của các nước thành viên. Hiệp hội đã thông báo cho các hội viên đăng ký tham dự.

c. Đối với các tổ chức khác

Liên Minh Châu Âu thông báo dự luật giảm thiểu phá rừng, nâng cao chất lượng của rừng áp dụng đối với 6 loại mặt hàng gồm: Gỗ, Gia súc, Cà phê, Cao su, Đậu tương và dầu cọ. Vụ Hợp tác Quốc tế, Bộ Nông nghiệp và PTNT chủ trì cuộc họp trao đổi về tác động của dự luật và đề xuất hoạt động hỗ trợ. Đại diện phái đoàn Liên minh Châu Âu tại Việt Nam: ông Rui Ludovino, tham tán về các chính sách Biến đổi khí hậu, môi trường, việc làm và xã hội tham dự. Phía Việt Nam, Chủ tịch Hiệp hội Nguyễn Nam Hải cùng với đại diện các Hiệp hội: Gỗ và lâm sản Việt Nam, Hồ Tiêu Việt Nam, Cao su Việt Nam, Tổng cục Lâm nghiệp, Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp và PTNT đã tham

dự. Các đại biểu nêu những khó khăn và kiến nghị các biện pháp hỗ trợ nông dân và doanh nghiệp bị ảnh hưởng khi thực hiện dự luật này. Các biện pháp hỗ trợ được kiến nghị tại cuộc họp: Xây dựng bản đồ rừng, tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho nông dân và doanh nghiệp, tổ chức các hội thảo, hội nghị phổ biến thông tin dự luật, hỗ trợ chi phí chứng nhận. Đề nghị tạm ngưng hoặc kéo dài thời gian thực hiện dự luật này, tránh rào cản cho việc xuất khẩu các sản phẩm tại khu vực các tỉnh Tây Nguyên và Tây Bắc như: cà phê, cao su, hồ tiêu, hồi quế, sản phẩm gỗ, ...

VICOFA và GCP đã ký Biên bản hợp tác ngày 05/8/2022 với mục tiêu hợp tác hỗ trợ phát triển bền vững ngành cà phê Việt Nam. Năng lực của các tác nhân trong chuỗi giá trị được nâng cao, các kiến thức và thực hành tốt trong sản xuất cà phê bền vững, có trách nhiệm. Các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, ... được thảo luận và đưa vào chương trình nghị sự của đối tác khối công – tư ngành cà phê. Các sáng kiến, giải pháp và biện pháp thay thế cho sản xuất cà phê ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải carbon, giảm sử dụng hóa chất độc hại đồng thời nâng cao giá trị của hạt cà phê được chia sẻ và nhân rộng giữa các tác nhân trong ngành. Mỗi liên kết giữa khu vực công, tư nhân và các tác nhân trong ngành tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh, từ đó xác định các vấn đề nổi cộm ngành của cà phê, qua đó ưu tiên nguồn lực để chung tay giải quyết. Ông Bạch Thanh Tuấn – Phó Chủ tịch Hiệp hội được giao phụ trách lĩnh vực này.

Ngày 28/7/2022 Đại sứ quán Chi Lê tại Việt Nam đã gửi thư đăng ký buổi làm việc của Đại sứ đặc mệnh toàn quyền PATRICIO BECKER với chủ tịch VICOFA để tìm hiểu ngành cà phê Việt Nam, đề xuất các hợp tác kết nối doanh nghiệp hai nước. Ngày 18/8, ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội đã tiếp Đại sứ Patricio Becker và giới thiệu các doanh nghiệp hội viên cho Đại sứ quán kết nối với các doanh nghiệp.

3. Xúc tiến thương mại:

Triển khai chương trình xúc tiến thương mại đã được Bộ Công thương duyệt: Tổ chức đoàn giao dịch thương mại ngành cà phê tại thị trường Châu Âu từ ngày 28/10 – 7/11/2022. Mỗi doanh nghiệp tham gia được hỗ trợ 1 vé máy bay khứ hồi theo chương trình, doanh nghiệp được hỗ trợ chi phí tổ chức Hội nghị giao thương. Các chi phí khác

doanh nghiệp tự chi trả. Đã có 7 doanh nghiệp tham gia đoàn. Đoàn doanh nghiệp đã có buổi làm việc với Hiệp hội cà phê Đức, các doanh nghiệp nhập khẩu cà phê của Đức, Đan Mạch, Na Uy.

Tổ chức Hội nghị quốc tế ngành cà phê Việt Nam 2022 kết hợp Lễ kỷ niệm Ngày Cà phê Việt Nam năm 2022 tại khách sạn Daewoo, Hà Nội. Dự kiến có khoảng 40 đại biểu là các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế tham dự cùng hơn 150 đại biểu Việt Nam.

Phối hợp với Ban tổ chức Hội chợ Cafeshow (tổ chức từ 21 – 23/7/2022 tại SECC Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh) giảm giá 20% phí thuê gian hàng cho các hội viên Hiệp hội tham gia hội chợ. Ban tổ chức miễn phí cho Hiệp hội 02 gian hàng tiêu chuẩn mở 2 mặt và Hiệp hội đã thông báo cho các hội viên đăng ký tham gia trưng bày tại gian hàng chung. Đã có 4 doanh nghiệp hội viên tham gia gồm: Công ty TNHH Vĩnh Hiệp, Công ty cổ phần cơ khí Vina Nha Trang, Công ty TNHH cà phê Detech, Công ty cổ phần cà phê Mê Trang.

Phối hợp với Ban tổ chức Hội chợ Coffee Expo (tổ chức từ ngày 03 - 05/11/2022 tại trung tâm triển lãm SECC Quận 7, thành phố Hồ Chí Minh) giảm giá 30% phí thuê gian hàng cho các hội viên Hiệp hội tham gia hội chợ, và miễn phí 2 gian hàng tiêu chuẩn cho Hiệp hội. 3 doanh nghiệp đã đăng ký tham gia trưng bày sản phẩm tại hai gian hàng chung miễn phí của Hiệp hội gồm: Công ty TNHH MTV XNK 2/9 Đắk Lắk, Công ty cổ phần Phúc Sinh, Công ty cổ phần tập đoàn Minh Tiến. Các doanh nghiệp tham gia gian hàng miễn phí của Hiệp hội tại hai hội trợ trên đều đánh giá hiệu quả rất tốt và tiếp tục mong nhận được hỗ trợ của Hiệp hội.

4. Nhãn hiệu cà phê Việt Nam Chất lượng cao:

Ngày 13/4/2022 Bộ Nông nghiệp và PNTT đã ra quyết định giao cho Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam đăng ký, sử dụng Nhãn hiệu Cà phê Việt Nam chất lượng cao. Để triển khai quyết định trên của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ban Chấp hành Hiệp hội đã tổ chức họp góp ý nội dung Bộ Tiêu chí và Quy chế sử dụng nhãn hiệu. Ban Chấp hành đã giao cho ông Bạch Thanh Tuấn, Phó Chủ tịch và ông Thái Như Hiệp, Phó Chủ tịch góp ý chi tiết nội dung Bộ tiêu chí. Thực hiện ý kiến của Ban Chấp hành, sau khi tham khảo ý kiến của các doanh nghiệp, tổ chức quốc tế, ngày 14/5/2022 ông Bạch Thanh Tuấn đã

tổ chức cuộc họp với Viện IPSARD và Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và PTNT để góp ý chi tiết nội dung bộ Tiêu chí. Đến nay, hồ sơ đã được Hiệp hội gửi đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ.

5. Tình hình hội viên và thay đổi trong Ban Chấp hành:

Từ đầu năm đến nay Hiệp hội đã kết nạp 13 hội viên mới, trong đó, Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột đã chính thức là hội viên của VICOFA (Danh sách hội viên mới tại phụ lục kèm theo).

Về nhân sự Ban Chấp hành, ông Phan Xuân Thắng, nguyên Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch Hiệp hội xin rút không tham gia Ban Chấp hành. Công ty Cà phê Việt Nam đã có công văn chính thức giới thiệu một ông Đặng Hồng Tuấn, Tổng giám đốc Tổng Công ty cà phê Việt Nam tham gia Ban Chấp hành Hiệp hội thay ông Phan Xuân Thắng.

6. Những vấn đề khác:

Ủy Ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã gửi văn bản số 7756/UBND-KGVX ngày 14/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc mời tham gia Ban Chỉ đạo Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuột lần thứ 8 năm 2023, Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, Hiệp hội đã gửi văn bản thông báo cử ông Nguyễn Nam Hải, Chủ tịch Hiệp hội đại diện tham gia Ban chỉ đạo.

Website của Hiệp hội đã được nâng cấp và thiết kế giao diện mới. Địa chỉ Email cũng được điều chỉnh theo tên miền của Website để thuận lợi hơn trong các hoạt động giao dịch của Hiệp hội. Tên miền website: vicofa.org.vn, Tên miền mới Email của Hiệp hội: info@vicofa.org.vn. Đã đ website giao diện mới vào sử dụng thay cho website cũ. Sử dụng địa chỉ email mới: info@vicofa.org.vn, đồng thời sử dụng song song địa chỉ email cũ: info.vicofa@gmail.com một thời gian để đảm bảo không bị gián đoạn thông tin trong thời gian chuyển đổi.

Tiếp tục tổng hợp thông tin thị trường, tin tức mùa vụ cung cấp cho hội viên và cập nhật website của hiệp hội.

Trên cơ sở doanh nghiệp tự đề cử tham gia chương trình bình chọn Doanh nhân truyền cảm hứng năm 2022 theo đúng 8 tiêu chí do Tạp chí Doanh nhân Sài gòn tổ chức,

Hiệp hội đã gửi đề cử hai doanh nhân ngành cà phê: ông Thái Như Hiệp, Chủ tịch hội đồng thành viên công ty TNHH Vĩnh Hiệp và ông Phan Minh Thông, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Phúc Sinh tham gia bình chọn. Ông Phan Minh Thông đã được ban tổ chức lựa chọn.

7. Báo cáo tài chính năm 2022: (chi tiết trong phụ lục kèm theo)

II. Phương hướng nhiệm vụ đến cuối năm 2022:

1. Thu phí xuất khẩu cà phê:

Hiện nay Hiệp hội vẫn nợ niên liễm 2022 của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO). Văn phòng Hiệp hội khẩn trương đăng ký đại diện lãnh đạo Hiệp hội làm việc với Tổng cục Hải quan dựa trên kết quả làm việc với Cục Hải quan thành phố Hồ Chí Minh kiến nghị Tổng Cục Hải quan cấp cho Hiệp hội một tài khoản để đăng nhập vào hệ thống tổng hợp danh sách các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê, căn cứ danh sách xuất khẩu cà phê, Hiệp hội sẽ gửi thông báo trực tiếp cho các doanh nghiệp yêu cầu đóng phí xuất khẩu cà phê. Các doanh nghiệp có thể đóng phí theo tháng, thông qua Hải quan hoặc nộp trực tiếp vào tài khoản của Hiệp hội mở tại kho bạc Nhà nước. Phí xuất khẩu cà phê áp dụng đối với tất cả các doanh nghiệp xuất khẩu cà phê căn cứ công văn số 707/BNH-HTQT ngày 27/1/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về đối tượng thu và công văn số 4417/BTC-TCDN ngày 17/5/2022 hướng dẫn thu phí xuất khẩu cà phê để nộp niên liễm cho Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) của Bộ Tài chính hướng dẫn thu phí xuất khẩu cà phê. Mức thu áp dụng: 0,4 usd/tấn cà phê nhân sống; 0,467 usd/tấn cà phê rang, rang xay; và 1,04 usd/tấn cà phê chiết xuất (tinh chất cà phê).

2. Đối ngoại và Quan hệ quốc tế và hợp tác phát triển ngành cà phê:

Tiếp tục phối hợp với Vụ Hợp tác quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT tiếp thu ý kiến của các Bộ góp ý hoàn thiện tờ trình Chính phủ phê duyệt tham gia Hiệp định cà phê mới (ICA 2022).

Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với nhóm công tác đặc biệt (TF) của ICO triển khai các hoạt động ICO hỗ trợ nghiên cứu đổi chuẩn về thu nhập thịnh vượng của người dân trồng cà phê. Triển khai ký kết biên bản hợp tác với Diễn đàn Cà phê toàn cầu (GCP) và

Tổ chức Sáng kiến bền vững (IDH) nhằm tăng cường hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa các tổ chức hỗ trợ ngành cà phê phát triển.

Triển khai ký biên bản hợp tác với IDH và Nestle vào tháng 12/2022 với mục tiêu hợp tác hỗ trợ phát triển bền vững ngành cà phê Việt Nam. Năng lực của các tác nhân trong chuỗi giá trị được nâng cao, các kiến thức và thực hành tốt trong sản xuất cà phê bền vững, có trách nhiệm. Các vấn đề về an toàn vệ sinh lao động, bình đẳng giới, dân tộc thiểu số, ... được thảo luận và đưa vào chương trình nghị sự của đối tác khối công – tư ngành cà phê. Các sáng kiến, giải pháp và biện pháp thay thế cho sản xuất cà phê ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải carbon, giảm sử dụng hóa chất độc hại đồng thời nâng cao giá trị của hạt cà phê được chia sẻ và nhân rộng giữa các tác nhân trong ngành. Mối liên kết giữa khu vực công, tư nhân và các tác nhân trong ngành tiếp tục được tăng cường và đẩy mạnh, từ đó xác định các vấn đề nổi cộm ngành của cà phê, qua đó ưu tiên nguồn lực để chung tay giải quyết. Tích cực triển khai các hợp tác cụ thể với GCP, IDH, Nestle thúc đẩy phát triển bền vững ngành cà phê Việt Nam.

Tham gia tích cực các hoạt động của Liên đoàn cà phê Đông Nam Á (ACF) đặc biệt là các hoạt động: cử đội thi Barista tham gia các cuộc thi do ACF tổ chức, gửi các sản phẩm cà phê đặc sản tham gia các cuộc đấu giá do ACF tổ chức, thông báo các hội viên đăng ký là đơn vị đào tạo Barista thuộc học viện Cà phê của ACF.

3. Xúc tiến thương mại:

- Triển khai hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại thuộc chương trình quốc gia về xúc tiến thương mại do Bộ Công Thương phê duyệt. Dự kiến Hiệp hội sẽ tổ chức đoàn xúc tiến thương mại tham dự hội chợ SIAL AMERICA và khảo sát thị trường cà phê Canada. Chương trình thuộc đề án cấp quốc gia về xúc tiến thương mại do Hiệp hội đề xuất Bộ Công Thương phê duyệt. Thời gian thực hiện vào cuối tháng 3, đầu tháng 4 năm 2023. Tham dự chương trình, doanh nghiệp sẽ được hỗ trợ 1 vé máy bay khứ hồi theo chương trình và các chi phí kết nối giao thương. Hiệp hội cũng sẽ tổ chức 2 gian hàng chung tại hội chợ SIAL AMERICA (các doanh nghiệp có nhu cầu trưng bày sẽ tự chi trả kinh phí thuê và giàn dựng gian hàng).

- Phối hợp với Ban tổ chức Hội chợ Café Show và Coffee Exporum triển khai cho các doanh nghiệp hội viên tham gia hội chợ triển lãm thường niên tại Trung tâm triển lãm quốc tế thành phố Hồ Chí Minh. Các hội viên tham gia sẽ được ban tổ chức giảm giá ưu đãi.

- Phối hợp triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm được cấp nhãn hiệu Cà phê Việt Nam chất lượng cao thuộc đề án Cà phê chất lượng cao.

4. Triển khai việc chuyển văn phòng Hiệp hội vào TP. Hồ Chí Minh:

Dự kiến liên hệ với văn phòng Bộ Nông nghiệp và PTNT thuê diện tích tại 135 Pasteur nhưng hiện tại Bộ trả lời: Trụ sở 135 sẽ tiến hành cải tạo và xây dựng lại vào cuối năm 2022 vì vậy toàn bộ các Ban, Vụ, Cục, ... sẽ chuyển sang 135A và một số địa điểm khác nên không thể thuê được nữa. Tiếp tục liên hệ các địa điểm khác để thuê.

5. Thông tin website

Thông tin hàng ngày tiếp tục được Văn phòng duy trì cung cấp cho hội viên đầy đủ, kịp thời, cập nhật thông tin trên trang web của Hiệp hội. Thông tin về giá thị trường hai sàn London và New York được gửi đến hội viên trước 6.30' buổi sáng hàng ngày. Thông tin về giá thị trường nội địa tiếp tục được gửi cho hội viên trước 10.00 sáng. Các bản tin về cà phê, thông tin kinh tế xã hội được cập nhật phong phú trên website của Hiệp hội. Các báo cáo thị trường của Tổ chức Cà phê Quốc tế (ICO) và tình hình xuất khẩu, tình hình mùa vụ của Brazil cũng được cung cấp kịp thời tới các hội viên.

Trên đây là nội dung báo cáo tổng kết tình hình sản xuất kinh doanh cà phê và hoạt động của Hiệp hội niên vụ 2021-2022 và phương hướng hoạt động của Hiệp hội trong niên vụ tới./.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Nam Hải

**Bảng 1: Tình hình sản lượng và tiêu thụ cà phê trên thế giới
(vụ 2021-2022 so với 2020-2021)**

ĐVT: bao 60kg

	Vụ 2021-2022*	Vụ 2020-2021	Chênh lệch
Sản lượng	167.170.000	170.830.000	-2,1%
Arabica	93.970.000	101.157.000	-7,1%
Robusta	73.200.000	69.674.000	5,1%
Tiêu thụ	170.298.000	164.865.000	3,3%
Các nước xuất khẩu	50.322.000	49.967.000	0,7%
Các nước nhập khẩu	119.975.000	114.898.000	4,4%
Tồn dư	-3.128.000	5.965.000	

(*) Dự kiến

Nguồn: ICO

Ghi chú: Số liệu chỉ mang tính tham khảo

Bảng 2: Số liệu cà phê xuất khẩu niên vụ 2021-2022

Loại cà phê		Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1. Cà phê nhân		1,592,076	3,320,421,611	2,086
Trong đó:	Robusta	1,500,582	2,971,278,848	1,980
	Arabica	59,910	259,608,818	4,333
	Nhân đã khử cafein	26,038	76,886,136	2,953
	Cà phê nhân khác	5,546	12,647,809	2,280
2. Cà phê đã chế biến		92,292	598,223,263	6,482
Trong đó:	Cà phê rang nguyên hạt	3,839	20,752,554	5,406
	Cà phê rang xay hòa tan	88,453	577,470,709	6,529
3. Các loại khác (Vỏ cà phê, viên nén)		2,683	526,482	196
Tổng các loại cà phê XK		1,687,051	3,919,171,356	2,323

Nguồn: TCHQ

- * Cà phê đã chế biến chưa được quy đổi
- * Số liệu chỉ mang tính tham khảo
- * Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan

Bảng 3: Danh sách 50 Doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân hàng đầu trong niên vụ 2021-2022** Sắp xếp theo khối lượng*

STT	Mã DN	TÊN DOANH NGHIỆP	KHỐI LƯỢNG XK (TẤN)	KIM NGẠCH XK (USD)	ĐƠN GIÁ (USD/T)	TRONG ĐÓ ARABICA		
						KHỐI LƯỢNG XK (TẤN)	KIM NGẠCH XK (USD)	ĐƠN GIÁ (USD/T)
1	0304421306	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex	152,212	298,825,528	1,963			
2	5900315114	CÔNG TY TNHH VINH HIỆP	135,600	270,158,793	1,992			
3	6000234538	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc	107,716	221,921,449	2,060	607	2,414,664	3,981
4	3701817839	CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX Mỹ Phước	106,743	210,065,311	1,968			
5	5900424466	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN LOUIS DREYFUS COMPANY VIỆT NAM	81,944	168,071,235	2,051	4,905	23,953,009	4,884
6	6001552050	CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO DỊCH HÀNG HÓA TÂY NGUYỄN	76,209	165,248,588	2,168			
7	3700364985	Công ty TNHH NEUMANN GRUPPE Việt Nam	74,440	141,463,983	1,900			
8	6000346337	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OLAM VIỆT NAM	59,581	119,301,875	2,002	527	2,446,704	4,640
9	0302401061	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC SINH	57,210	128,972,983	2,254	3,252	14,576,085	4,482
10	6000706357	CÔNG TY TNHH SUCDEN COFFEE VIỆT NAM	53,178	105,866,841	1,991			
11	5800361029	Công Ty TNHH Thương Phẩm ATLANTIC Việt Nam	52,731	99,340,074	1,884	1,671	7,537,187	4,510

12	4200236666	CÔNG TY CỔ PHẦN MASCOPEX	52,488	104,042,596	1,982	705	1,924,655	2,730
13	0302695710	CÔNG TY TNHH SUCAFINA VIỆT NAM	42,264	78,508,317	1,858	30	116,747	3,958
14	0304929562	CÔNG TY TNHH COFCO INTERNATIONAL VIỆT NAM	41,206	81,004,458	1,966			
15	6000182199	Công ty TNHH DAKMAN Việt Nam	40,972	84,346,936	2,059	112	510,705	4,568
16	5900943158	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hoa Trang - Gia Lai	33,147	63,876,924	1,927			
17	3600278732	Công Ty TNHH Minh Huy	31,431	61,200,220	1,947			
18	3603655273	Công ty TNHH Tuấn Lộc Commodities	31,036	58,450,831	1,883	23	96,066	4,195
19	0500440224	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Cát Quế	29,763	119,019,054	3,999	26,825	112,966,256	4,211
20	3600723655	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	29,671	69,852,257	2,354	6,852	25,440,517	3,713
21	3603189255	Công ty TNHH VOLCAFE Việt Nam	27,774	72,256,436	2,602	4,099	20,746,091	5,061
22	0304421306002	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex Tại Buôn Ma Thuột	26,060	51,121,898	1,962			
23	0309984207	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI BÔNG SỢI VIỆT	25,957	48,932,666	1,885			
24	3600283394	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA	22,701	42,609,781	1,877			
25	6400167332	Công Ty Cổ Phần Intimex Đắk Nông	20,121	49,030,294	2,437			
26	0313394962	Công Ty Cổ Phần Agrexport	16,980	34,553,430	2,035			
27	3702056873	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Cà Phê Quang Minh	14,963	29,414,886	1,966			
28	3600812993	CÔNG TY TNHH COFFEIN COMPAGNIE VIỆT NAM	13,305	31,109,733	2,338	1,285	3,902,524	3,038
29	3600235305	CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT	13,150	44,407,238	3,377			

		NAM						
30	0309899463	Công Ty TNHH Sunwah Commodities (Việt Nam)	12,901	25,431,069	1,971			
31	5800912420	Công Ty CP Intimex Bảo Lộc	10,127	19,529,569	1,928			
32	5900980784	CÔNG TY CỔ PHẦN TÍN THÀNH ĐạT	9,290	17,731,063	1,909			
33	3701817839001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX Mỹ Phước Tại BÌNH DươNG	9,048	18,409,137	2,035			
34	0101013887	CÔNG TY CỔ PHẦN Tập ĐOÀN MINH TIẾN - MTG	8,557	37,044,998	4,329	7,798	35,638,327	4,570
35	0100101509	TỔNG CÔNG TY Cà PHÊ VIỆT NAM CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN (ĐƯỢC CHUYỂN ĐỔI Từ TỔNG CÔNG TY Cà PHÊ V	7,815	14,595,861	1,868			
36	6000182456	CÔNG TY CỔ PHẦN Cà PHÊ THẮNG Lợi	6,949	13,878,989	1,997			
37	5801008659	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLDEN COFFEE	5,711	11,291,851	1,977			
38	0312252108	Công Ty TNHH Đầu Tư Xuất Nhập Khẩu Thanh Hùng	5,548	10,758,694	1,939			
39	0106590630	Công Ty Cổ Phần Gia Vị Hà Nội	4,219	8,203,201	1,944	19	102,720	5,350
40	0307379412	Cty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Phúc Lợi	3,090	7,052,724	2,283			
41	0316806212	CÔNG TY TNHH VIETNAM GLOBAL TRADING	2,744	5,715,561	2,083	19	76,646	3,992
42	0302749620	CÔNG TY CỔ PHẦN á CHÂU Tài NGUYỄN	2,590	4,997,830	1,929			
43	0312926759	CÔNG TY CỔ PHẦN Năng LượNG SINH KHÔI	1,878	3,726,364	1,984			

44	5801325545	CÔNG TY TNHH NÔNG SẢN ABRO	1,746	3,238,140	1,855			
45	5900188226	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN PHI LONG GIA LAI	1,667	3,196,248	1,917			
46	0106236622	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANFIMEX VIỆT NAM	1,440	3,418,848	2,374			
47	5800858318	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CÀ PHÊ TÁM TRÌNH	1,404	2,344,874	1,670			
48	0104953945	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Cường Anh	1,363	2,631,290	1,930			
49	0312500992	Công Ty TNHH Một Thành Viên Phụng Hoàng Việt Nam	1,305	2,682,001	2,055			
50	0107164956	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ & THƯƠNG MẠI PHÙ ĐỔNG	831	3,196,046	3,848	651	2,856,956	4,391
Tổng			1,570,774	3,272,048,972	2,083	59,379	255,305,859	4,300

Nguồn: TCHQ

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

** Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan*

Bảng 4: Danh sách 30 Doanh nghiệp hàng đầu xuất khẩu cà phê chế biến trong niên vụ 2021-2022** Sắp xếp theo khối lượng*

STT	Mã DN	TÊN DOANH NGHIỆP	Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1	1100814540	Công Ty TNHH Cà Phê OUTSPAN Việt Nam	18,750	115,083,994	6,138
2	0304324655006	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn	17,633	95,008,026	5,388
3	6000916516	Công ty TNHH Cà phê Ngon	11,203	66,245,742	5,913
4	3700549827	CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM	10,040	51,237,461	5,104
5	0304982164	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Thực Phẩm Lựa Chọn Đỉnh	6,967	28,677,866	4,116
6	3600235305	CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	6,666	73,019,226	10,954
7	3702547670	CÔNG TY TNHH TATA COFFEE VIỆT NAM	4,823	39,339,401	8,156
8	3600261626	Công Ty Cổ Phần Vinacafé Biên Hòa	2,234	8,039,805	3,598
9	0201219169	Công ty TNHH INSTANTA Việt Nam	2,199	23,945,757	10,889
10	9999999999998	Cá nhân - Tổ chức không có mã số thuế	2,163	14,422,746	6,667
11	6000639950	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển An Thái	1,183	6,026,610	5,094
12	3702978349	CÔNG TY TNHH NTT THUẬN AN	826	4,314,997	5,224
13	0304421306	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex	733	4,494,638	6,132
14	3702252148	Công ty TNHH MASSIMO ZANETTI BEVERAGE Việt Nam	681	3,186,215	4,681
15	3702903424	CÔNG TY TNHH THỰC PHẨM TNK	544	2,716,520	4,994
16	0313743966	CÔNG TY TNHH TNI KING COFFEE	535	4,012,107	7,506
17	5702101424	CÔNG TY TNHH Vũ Hải LOGS	528	1,831,880	3,473
18	3603271291	Công Ty TNHH Unicity Labs Việt Nam	439	1,391,208	3,166
19	0109082787	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AZURA HÀ NỘI	432	2,268,187	5,250

20	3700916876	Công Ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm á Châu Sài Gòn.	422	3,127,971	7,405
21	0109656167	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HK VIỆT NAM	385	2,295,130	5,955
22	0302447933	Công Ty TNHH Liên Hiệp	349	1,744,431	4,998
23	0304324655	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên	339	3,112,401	9,181
24	0310553942	CÔNG TY TNHH Cà PHÊ TRÀ PHƯƠNG VY	310	1,525,014	4,927
25	0303234335	Công Ty TNHH Quốc Tế Cao Nguyên Xanh	251	1,636,950	6,522
26	0302695710	CÔNG TY TNHH SUCAFINA VIỆT NAM	245	1,675,188	6,849
27	3700605006	CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	227	1,322,000	5,824
28	3603425174	CÔNG TY CỔ PHẦN Cà PHÊ OLYMPIC	198	1,629,826	8,213
29	0301123125	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY Tân Sơn Nhất	134	4,259,911	31,909
30	0106896844	Công Ty TNHH Thực Phẩm Thái Việt	115	1,074,028	9,323
		Tổng	91,553	568,665,236	6,211

Nguồn: TCHQ

** Cà phê đã chế biến chưa được quy đổi*

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

** Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan*

Bảng 5: Thị trường xuất khẩu của cà phê Việt Nam trong niên vụ 2021-2022

STT	Thị trường	Khối lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1	Đức	216,173	462,104,004	2,138
2	Italy	138,516	289,534,695	2,090
3	Hoa Kỳ	126,688	298,182,235	2,354
4	Bỉ	120,181	255,299,161	2,124
5	Nhật Bản	111,325	273,175,066	2,454
6	Nga	96,731	231,704,498	2,395
7	Tây Ban Nha	87,048	193,920,610	2,228
8	Philippines	51,205	144,384,159	2,820
9	Algeria	46,154	91,992,106	1,993
10	Anh	43,433	89,483,468	2,060
11	Trung Quốc	41,809	128,601,580	3,076
12	Hàn Quốc	35,636	90,156,822	2,530
13	Thái Lan	31,761	75,201,367	2,368
14	Malaysia	29,634	77,536,833	2,616
15	Ấn Độ	26,315	50,232,473	1,909
16	Hà Lan	25,993	57,789,728	2,223
17	Mexico	23,245	47,394,546	2,039
18	Australia	21,802	48,203,803	2,211
19	Pháp	17,781	41,783,292	2,350
20	Indonesia	14,686	59,375,990	4,043
21	Ba Lan	13,902	39,383,145	2,833
22	Ai cập	13,532	29,933,939	2,212

23	Bồ Đào Nha	10,453	21,097,296	2,018
24	Hy Lạp	8,336	17,678,075	2,121
25	Israel	7,066	23,504,315	3,326
26	Nam Phi	6,761	12,881,407	1,905
27	Canada	6,189	17,496,626	2,827
28	Myanmar	2,712	10,810,381	3,986
29	Rumani	2,438	6,164,640	2,529
30	Chile	1,689	6,234,756	3,691
31	Ukraine	1,630	4,949,062	3,036
32	New Zealand	1,437	2,691,963	1,873
33	Hungary	1,158	6,250,470	5,398
34	Campuchia	1,154	4,227,333	3,663
35	Đan Mạch	935	1,817,413	1,944
36	Phần Lan	811	2,002,281	2,469
37	Singapore	810	3,506,893	4,329
38	Lào	186	914,267	4,915
	Cộng	1,387,315	3,217,600,698	2,319

Nguồn: TCHQ

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

Bảng 6: Số liệu cà phê xuất khẩu trong 2 tháng đầu vụ 2022-2023

Loại cà phê		Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1. Cà phê nhân		193,350	415,622,143	2,150
Trong đó:	Robusta	180,675	366,916,795	2,031
	Arabica	5,056	20,321,930	4,019
	Nhân đã khử cafein	6,346	25,560,068	4,028
	Cà phê nhân khác	1,273	2,823,350	2,218
2. Cà phê đã chế biến		8,632	57,399,147	6,650
Trong đó:	Cà phê rang nguyên hạt	109	635,170	5,827
	Cà phê rang xay hòa tan	8,523	56,763,977	6,660
3. Các loại khác (Vỏ cà phê, viên nén)		436	86,132	198
Tổng các loại cà phê XK		202,418	473,107,422	2,337

Nguồn: TCHQ

** Khối lượng cà phê đã chế biến chưa được quy đổi*

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

** Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan*

**Bảng 7: DANH SÁCH 50 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÀ PHÊ NHÂN HÀNG ĐẦU
2 THÁNG ĐẦU VỤ 2022-2023**

** Sắp xếp theo kim ngạch*

STT	MÃ DOANH NGHIỆP	TÊN DOANH NGHIỆP	KHỐI LƯỢNG XK (TẤN)	KIM NGẠCH XK (USD)	ĐƠN GIÁ (USD/T)	TRONG ĐÓ ARABICA		
						TẤN	USD	ĐƠN GIÁ (USD/T)
1	5900315114	CÔNG TY TNHH VINH HIỆP	22,015	43,013,088	1,954			
2	6000234538	Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắk Lắk	13,097	27,458,158	2,097			
3	0304421306	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex	13,561	27,076,872	1,997			
4	3701817839	CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX MỸ PHƯỚC	11,770	25,532,837	2,169			
5	0302401061	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚC SINH	10,410	22,798,520	2,190	411	1,870,027	4,554
6	5900424466	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ CHẾ BIẾN LOUIS DREYFUS COMPANY VIỆT NAM	10,244	20,865,206	2,037	185	718,427	3,892
7	3600235305	CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	4,845	20,591,645	4,250			
8	3700364985	Công ty TNHH NEUMANN GRUPPE Việt Nam	10,172	20,536,840	2,019			
9	6000346337	CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN OLAM VIỆT NAM	9,394	19,314,793	2,056	19	83,083	4,327
10	5900943158	Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hoa Trang - Gia Lai	7,798	16,049,757	2,058			
11	0302695710	CÔNG TY TNHH SUCAFINA VIỆT NAM	7,005	15,141,206	2,161			
12	6001552050	CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO DỊCH HÀNG HÓA TÂY NGUYỄN	7,376	14,704,840	1,994			
13	5800361029	Công Ty TNHH Thương Phẩm ATLANTIC Việt Nam	5,953	10,964,184	1,842	63	218,113	3,490
14	3603655273	CÔNG TY TNHH TUẤN LỘC COMMODITIES	5,080	10,342,684	2,036			
15	6400167332	Công Ty Cổ Phần Intimex Đắk Nông	4,959	9,889,457	1,994			

16	6000706357	CÔNG TY TNHH SUCDEN COFFEE VIỆT NAM	4,462	9,291,795	2,082			
17	4200236666	CÔNG TY CỔ PHẦN MASCOPEX	4,610	9,156,354	1,986	141	394,222	2,800
18	0500440224	Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Cát Quế	2,000	8,219,557	4,109	1,982	8,177,284	4,126
19	3603189255	Công ty TNHH VOLCAFE Việt Nam	3,511	7,743,937	2,205	278	1,167,541	4,207
20	6000182199	Công ty TNHH DAKMAN Việt Nam	3,180	7,014,451	2,206	35	163,053	4,645
21	0304421306 002	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex Tại Buôn Ma Thuột	3,374	6,952,386	2,061			
22	3600812993	CÔNG TY TNHH COFFEIN COMPAGNIE VIỆT NAM	1,663	5,172,123	3,110			
23	0304929562	CÔNG TY TNHH COFCO INTERNATIONAL VIỆT NAM	2,350	4,883,480	2,078			
24	3701817839 001	CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX Mỹ Phước Tại BÌNH DƯƠNG	1,966	4,339,683	2,207			
25	3702056873	Công Ty Cổ Phần Thương Mại Cà Phê Quang Minh	2,042	4,101,318	2,008			
26	3600723655	Công ty TNHH Mercafe Việt Nam	1,410	3,489,817	2,474			
27	3600278732	Công Ty TNHH Minh Huy	1,668	3,343,849	2,005			
28	5900980784	CÔNG TY CỔ PHẦN TÍN THÀNH ĐẠT	1,431	3,043,916	2,127			
29	0313394962	Công Ty Cổ Phần Agrexport	1,428	2,969,654	2,080			
30	0101013887	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN MINH TIẾN - MTG	712	2,839,835	3,987	712	2,839,835	3,987
31	3600283394	CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG CÔNG TY TÍN NGHĨA	1,513	2,726,762	1,802			
32	5801278038	CÔNG TY TNHH MERCAFE AGRI PRODUCTS INC.	557	2,406,010	4,320	557	2,406,010	4,320
33	0309899463	Công Ty TNHH Sunwah Commodities (Việt Nam)	978	2,024,691	2,069			
34	0306011457	Công Ty TNHH Thương Mại - Xuất Nhập Khẩu Nhật Quang	1,225	1,825,050	1,490			
35	0106236622	CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HANFIMEX VIỆT NAM	644	1,537,912	2,390			
36	0307379412	Cty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Phúc Lợi	538	1,221,120	2,271			
37	3700862388	Công Ty Cổ Phần Liên Thành	717	1,219,452	1,701			

38	0106590630	Công Ty Cổ Phần Gia Vị Hà Nội	583	1,143,640	1,961			
39	5801008659	CÔNG TY CỔ PHẦN GOLDEN COFFEE	470	944,423	2,009			
40	5800912420	Công Ty CP Intimex Bảo Lộc	489	942,722	1,930			
41	0314576154	CÔNG TY TNHH SUNRISE INS	397	934,499	2,356			
42	0312926759	CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG SINH KHỐI	504	906,718	1,799			
43	5300787517	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU LƯƠNG THÀNH	568	774,642	1,363			
44	0100101509	TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM CÔNG TY TNHH MTV	404	741,589	1,835			
45	0316806212	CÔNG TY TNHH VIETNAM GLOBAL TRADING	288	672,480	2,335			
46	0312882879	Công Ty TNHH Bola Việt Nam	211	526,560	2,493			
47	0315993898	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU THƯƠNG MẠI VINSARF	192	488,640	2,545			
48	4900831558	Hoàng Duy Tôn	256	471,000	1,838			
49	0312931942	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ALPHA GREEN	234	464,937	1,984			
50	0109109358	CÔNG TY CỔ PHẦN INTIMEX THĂNG LONG	250	453,300	1,813			
		Tổng	190,504	407,879,154	2,141	4,381	18,037,595	4,117

Nguồn: TCHQ

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

** Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan*

**Bảng 8: TOP 30 DOANH NGHIỆP XUẤT KHẨU CÀ PHÊ RANG XAY VÀ HÒA TAN
2 THÁNG ĐẦU VỤ 2022-2023**

** Sắp xếp theo kim ngạch*

STT	MÃ DOANH NGHIỆP	TÊN DOANH NGHIỆP	Khối lượng (tấn)	Kim ngạch (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1	1100814540	Công Ty TNHH Cà Phê OUTSPAN Việt Nam	1,730	11,728,931	6,780
2	0304324655006	Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà Phê Sài Gòn	1,523	10,786,033	7,082
3	6000916516	Công ty TNHH Cà phê Ngon	1,070	6,941,027	6,487
4	3600235305	CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM	480	5,630,330	11,730
5	3700549827	CÔNG TY TNHH URC VIỆT NAM	1,000	5,106,320	5,106
6	3702547670	CÔNG TY TNHH TATA COFFEE VIỆT NAM	441	3,702,370	8,401
7	0304982164	Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Thực Phẩm Lựa Chọn Đình	474	2,052,853	4,333
8	0201219169	Công ty TNHH INSTANTA Việt Nam	91	1,604,215	17,629
9	3600261626	Công Ty Cổ Phần Vinacafé Biên Hòa	377	1,430,651	3,798
10	0304421306	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex	198	1,141,131	5,763
11	6000639950	Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Và Phát Triển An Thái	176	904,157	5,131
12	0304324655	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên	30	432,776	14,670
13	0302447933	Công Ty TNHH Liên Hiệp	83	404,576	4,874
14	3702978349	CÔNG TY TNHH NTT THUẬN AN	75	394,940	5,294

15	3702252148	Công ty TNHH MASSIMO ZANETTI BEVERAGE Việt Nam	72	371,218	5,177
16	0303234335	Công Ty TNHH Quốc Tế Cao Nguyên Xanh	50	317,500	6,350
17	0313743966	CÔNG TY TNHH TNI KING COFFEE	50	248,632	4,973
18	0301123125	CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT	18	214,969	11,943
19	0302695710	CÔNG TY TNHH SUCAFINA VIỆT NAM	35	210,465	5,962
20	0109244903	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI BÁN LẺ TOÀN CẦU	21	177,093	8,639
21	0801261980	CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU HANOFOOD	24	169,344	6,998
22	5702101424	CÔNG TY TNHH VŨ HẢI LOGS	50	159,203	3,184
23	3700916876	Công Ty Cổ Phần Nguyên Liệu Thực Phẩm á Châu Sài Gòn.	21	142,950	6,873
24	3603271291	Công Ty TNHH Unicity Labs Việt Nam	22	139,317	6,480
25	4800865313	Công ty TNHH một thành viên Sài Gòn Cà Phê	72	137,253	1,912
26	0109082787	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ AZURA HÀ NỘI	24	135,615	5,746
27	3700605006	CÔNG TY TNHH FES (VIỆT NAM)	24	123,095	5,087
28	0310678469	CÔNG TY CỔ PHẦN GF GROUP VINA	11	116,256	10,569
29	0304689776	Công Ty Cổ Phần Phở Việt	10	116,160	11,501
30	4200421073	Công Ty Cổ Phần Cà Phê Mê Trang	13	115,450	8,680
		Tổng	8,263	54,923,221	6,647

Nguồn: TCHQ

* Khối lượng cà phê đã chế biến chưa được quy đổi

* Số liệu chỉ mang tính tham khảo

* Giá căn cứ trên tờ khai Hải quan

**Bảng 9: DANH SÁCH 38 THỊ TRƯỜNG LỚN CỦA CÀ PHÊ VIỆT NAM 2 THÁNG
ĐẦU VỤ 2022-2023**

STT	Thị trường	Khối lượng (tấn)	Trị giá (USD)	Đơn giá (USD/tấn)
1	Đức	22,782	49,146,119	2,157
2	Hoa Kỳ	20,627	47,506,745	2,303
3	Italy	18,933	39,041,647	2,062
4	Nga	15,917	40,936,600	2,572
5	Nhật Bản	13,582	37,528,320	2,763
6	Tây Ban Nha	13,484	34,382,481	2,550
7	Trung Quốc	8,597	28,461,879	3,311
8	Bỉ	7,623	16,866,824	2,213
9	Philippines	7,285	21,808,056	2,994
10	Hàn Quốc	7,136	17,023,448	2,386
11	Thái Lan	7,047	16,631,865	2,360
12	Algeria	4,936	10,185,495	2,064
13	Anh	4,443	12,963,631	2,918
14	Ấn Độ	4,360	8,173,560	1,875
15	Malaysia	3,955	11,551,182	2,921
16	Pháp	3,847	8,886,024	2,310
17	Mexico	3,815	7,595,274	1,991
18	Hà Lan	3,022	7,561,925	2,502
19	Ai cập	2,599	5,917,547	2,277

20	Australia	2,016	3,136,939	1,556
21	Bồ Đào Nha	1,358	2,798,242	2,061
22	Ba Lan	1,348	5,203,693	3,860
23	Israel	1,217	4,278,060	3,515
24	Indonesia	1,169	6,387,015	5,464
25	Hy Lạp	898	1,916,310	2,134
26	Canada	538	1,655,245	3,077
27	Myanmar	498	1,942,200	3,900
28	Campuchia	257	845,121	3,288
29	Nam Phi	212	412,682	
30	Singapore	185	902,050	4,876
31	Đan Mạch	172	340,512	1,980
32	Hungary	168	957,731	
33	Rumani	165	894,395	5,421
34	Chile	157	711,100	4,529
35	Phần Lan	81	198,909	
36	New Zealand	50	229,173	4,583
37	Lào	33	174,438	5,286
38	Ukraine	19	46,070	2,425
	Cộng	184,531	455,198,507	2,467

** Số liệu chỉ mang tính tham khảo*

Nguồn: TCHQ

PHỤ LỤC 1 – DANH SÁCH HỘI VIÊN MỚI GIA NHẬP NĂM 2022

1. Công ty CP sản xuất EVC Việt Nam
2. Công ty CP xuất nhập khẩu AGRIKIM
3. Công ty CP TM & DV Tập đoàn HTC Group
4. Công ty CP Xuất nhập khẩu cà phê II
5. Công ty CP Giao dịch HH Tây nguyên
6. Hiệp hội Cà phê Buôn Ma Thuột
7. Công ty TNHH Sự kiện cà phê Việt Nam
8. Công ty TNHH FPS Flexibles Việt Nam
9. Công ty TNHH MITSUI Việt Nam
10. Công ty CP SX-TM-XNK Napoli
11. Công ty CP TM DV Vina Nha Trang
12. Công ty TNHH TM-DV-VT Quốc Thịnh
13. Công ty TNHH Thiết bị Công nghệ Hợp Phát